

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành

**Dự án: Khắc phục khẩn cấp hậu quả thiên tai
tại một số tỉnh miền Trung - tỉnh Bình Định**

Dự án thành phần: Sửa chữa nâng cấp đê sông Hà Thanh

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công;

Căn cứ Thông tư số 96/2021/TT-BTC ngày 11/11/2021 của Bộ Tài chính quy định về hệ thống mẫu biểu sử dụng trong công tác quyết toán;

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 447/TTr-STC ngày 23/9/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành với nội dung như sau:

- Tên dự án: Khắc phục khẩn cấp hậu quả thiên tai tại một số tỉnh miền Trung - tỉnh Bình Định.

Dự án thành phần: Sửa chữa nâng cấp đê sông Hà Thanh.

- Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và PTNT Bình Định.

- Địa điểm xây dựng: Huyện Vân Canh, Tuy Phước và thành phố Quy Nhơn.

- Cấp quyết định đầu tư: UBND tỉnh Bình Định.

- Thời gian khởi công - hoàn thành: 2017 - 2020.

Điều 2. Kết quả đầu tư

1. Chi phí đầu tư:

Đơn vị tính: đồng

TT	Nội dung	Dự toán được duyệt lần cuối	Giá trị quyết toán được phê duyệt
	Tổng cộng	59.839.725.000	59.030.172.000
I	Chi phí xây dựng (bao gồm chi phí hạng mục chung)	48.740.915.000	49.415.008.000

	Gói thầu C1-BD-W2 (Hạng mục: Đề Luật Lễ)		28.625.392.000
	Gói thầu C1-BD-W10 (Hạng mục: Khắc phục Đề sông Hà Thanh)		20.789.616.000
II	Chi phí quản lý dự án	853.586.000	850.692.000
III	Tư vấn đầu tư xây dựng công trình	3.708.939.000	3.662.249.000
III.1	Giai đoạn chuẩn bị đầu tư	1.432.121.000	1.398.594.000
1	Chi phí khảo sát địa hình địa chất	823.344.000	823.344.000
2	Chi phí giám sát khảo sát	33.526.568	
3	Chi phí lập BC nghiên cứu khả thi	411.417.000	411.417.000
4	Chi phí đánh giá tác động môi trường	163.833.000	163.833.000
III.2	Giai đoạn lập TK BVTC	2.276.818.000	2.263.655.000
1	Chi phí KS địa hình địa chất + TK BVTC và DT	971.531.000	971.530.000
2	Chi phí giám sát khảo sát	1.175.505	
3	Chi phí giám sát thi công xây dựng	977.528.000	977.528.000
	Gói thầu C1-BD-W2 (Hạng mục: Đề Luật Lễ)		523.190.000
	Gói thầu C1-BD-W10 (Hạng mục: Khắc phục Đề sông Hà Thanh)		454.338.000
4	Chi phí lập HSMT, HSYC thi công	50.179.809	45.709.000
4.1	Gói thầu giám sát thi công xây dựng	1.000.000	
4.2	Gói thầu thi công xây dựng	49.179.809	
5	Chi phí đánh giá HSDT thi công xây dựng	50.179.809	45.709.000
5.1	Gói thầu giám sát thi công xây dựng	1.000.000	45.709.000
5.2	Gói thầu thi công xây dựng	49.179.809	
6	Chi phí giám sát chính sách an toàn MT và XH	94.107.000	93.705.000
	Gói thầu C1-BD-W2 (Hạng mục: Đề Luật Lễ)		28.122.000
	Gói thầu C1-BD-W10 (Hạng mục: Khắc phục Đề sông Hà Thanh)		65.583.000
7	Chi phí giám sát, đánh giá dự án ĐTXD công trình	132.117.000	129.474.000
IV	Chi phí khác	3.100.414.000	1.666.352.000
1	Chi phí thẩm định dự án đầu tư	11.261.292	11.261.000
2	Chi phí thẩm định TK BVTC	33.001.000	64.716.000
3	Chi phí thẩm định dự toán	31.715.000	
4	Chi phí thẩm định HSMT, HSYC	25.589.905	23.354.000
4.1	Gói thầu giám sát thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị	1.000.000	23.354.000
4.2	Gói thầu thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị	24.589.905	
5	Chi phí thẩm định kết quả LCNT	25.589.905	23.354.000
5.1	Gói thầu giám sát thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị	1.000.000	23.354.000

5.2	Gói thầu thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị	24.589.905	
6	Chi phí kiểm toán	459.653.000	447.045.000
6.1	Chi phí kiểm toán báo cáo tài chính	177.269.000	172.768.000
6.2	Chi phí kiểm toán độc lập	282.384.000	274.277.000
7	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán	81.681.225	80.761.000
8	Chi phí bảo hiểm công trình	469.229.000	469.229.000
8.1	HM Đề Luật Lễ	265.264.000	256.662.000
8.2	Các hạng mục còn lại	220.324.429	212.567.000
9	Chi phí hạng mục chung	1.116.062.000	
9.1	HM Đề Luật Lễ	1.030.150.000	
9.2	Các hạng mục còn lại	855.628.000	
10	Chi phí rà phá bom mìn và vật liệu nổ	546.638.000	546.632.000
10.1	Chi phí TV KS lập PA kỹ thuật thi công và DT RPBM	13.686.000	13.680.000
10.2	Chi phí thi công và DT RPBM	532.952.000	532.952.000
11	Chi phí lập hồ sơ kỹ thuật thừa đất	300.000.000	
12	Chi phí kiểm tra công tác nghiệm thu		
V	Chi phí đền bù, GPMB	3.435.871.000	3.435.871.000
1	Kinh phí chi phục vụ bồi thường, hỗ trợ và tái định cư để GPMB		65.803.000
2	Chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư để GPMB		3.370.068.000
VI	Chi phí dự phòng	0	0

2. Vốn đầu tư:

Đơn vị tính: 1.000 đồng

TT	Nội dung	Dự toán lần cuối	Thực hiện			
			Giá trị quyết toán được phê duyệt	Số vốn đã giải ngân	Số vốn còn được giải ngân so với giá trị quyết toán được phê duyệt	Số vốn phải thu hồi so với giá trị quyết toán được phê duyệt
1	2	3	4	5	6=4-5	7=5-4
	Tổng cộng	59.839.725	59.030.172	59.069.083	80.761	119.672
I	Nguồn ngân sách tỉnh			58.135.808		
1	Nguồn vốn NHTG WB			51.349.262		
2	Nguồn ĐTTT			4.231.870		
3	Nguồn đối ứng NST			937.355		
4	Nguồn CQSD đất			1.243.116		

5	Nguồn thu tiền SD đất			357.531		
6	Nguồn NSH nộp trả			16.674		
II	Ngân sách huyện Vân Canh			933.275		
Trong đó:						
1	Chi phí xây lắp		49.415.008	49.534.680	0	119.672
2	Chi khác		1.666.352	1.585.591	80.761	0

3. Giá trị tài sản hình thành sau đầu tư:

Đơn vị tính: đồng

Nội dung	Thuộc chủ đầu tư quản lý		Giao đơn vị khác quản lý	
	Giá trị thực tế	Giá trị quy đổi	Giá trị thực tế	Giá trị quy đổi
Tổng số			59.030.172.000	59.030.172.000
- Tài sản dài hạn (tài sản cố định)			59.030.172.000	59.030.172.000

4. Chi phí đầu tư được phép không tính vào giá trị tài sản:

4.1. Chi phí thiệt hại do các nguyên nhân bất khả kháng: không.

4.2. Chi phí không tạo nên tài sản: không.

5. Vật tư, thiết bị tồn đọng: Không

Điều 3. Trách nhiệm của chủ đầu tư và các đơn vị liên quan:

1. Trách nhiệm của chủ đầu tư:

1.1. Được phép tất toán nguồn và chi phí đầu tư công trình là:

Đơn vị tính: đồng

Nguồn	Số tiền	Ghi chú
Tổng số	59.030.172.000	
I. Đã thanh toán:	59.069.083.000	
1. Ngân sách tỉnh	58.135.808.000	
- Nguồn vốn NHTG WB	51.349.262.000	
- Nguồn ĐTTT	4.231.870.000	
- Nguồn đối ứng NST	937.355.000	
- Nguồn CQSD đất	1.243.116.000	
- Nguồn thu tiền SD đất	357.531.000	
- Nguồn NSH nộp trả	16.674.000	
2. Nguồn ngân sách huyện Vân Canh	933.275.000	
II. Vốn đã thu hồi	119.672.000	
III. Vốn còn phải thanh toán tiếp	80.761.000	

1.2. Tổng các khoản công nợ tính đến ngày lập báo cáo quyết toán (20/5/2022) là:

- Tổng nợ đã thu:	119.672.000 đồng
- Tổng nợ phải trả:	80.761.000 đồng

Trong đó:

Chi phí khác (Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán):	80.761.000 đồng
--	-----------------

2. Trách nhiệm của đơn vị tiếp nhận tài sản: Được phép ghi tăng tài sản với tổng số tiền là: 59.030.172.000 đồng, cụ thể như sau:

Đơn vị tính: đồng

Tên đơn vị tiếp nhận tài sản	Tài sản dài hạn/cổ định	Tài sản ngắn hạn
UBND huyện Tuy Phước	34.301.578.000	
UBND huyện Vân Canh	16.564.476.000	
UBND xã Phước Mỹ, thành phố Quy Nhơn	8.164.118.000	

Điều 4. Chủ đầu tư, đơn vị tiếp nhận tài sản có trách nhiệm quản lý, sử dụng công trình và thực hiện việc bàn giao công trình theo quy định hiện hành. Căn cứ số liệu quyết toán được duyệt, các cơ quan liên quan tiến hành cấp phát, thanh toán, hạch toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản theo đúng quy định.

Điều 5. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Nông nghiệp và PTNT; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Giám đốc Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và PTNT; Chủ tịch UBND thành phố Quy Nhơn; Chủ tịch UBND các huyện: Tuy Phước, Vân Canh; Chủ tịch UBND xã Phước Mỹ và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- PVP NN;
- Lưu: VT, K10, K17

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Tự Công Hoàng